

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12-2017

V/v tranh chấp về nuôi con và các
tranh chấp khác

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hùng .

2. Ông Đoàn Quyết Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương D; sinh năm 1993; Cư trú tại: Đội 8, thôn C, xã E, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Vũ Huy T; sinh năm 1992; cư trú tại: Xóm G, xã E, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị D; vắng mặt anh T) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D trình bày:

Về tình cảm: Qua sự tìm hiểu chị và anh Vũ Huy T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 01 năm 2011 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn, vì thời điểm đó anh T mới có 19 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn. Sau ngày cưới chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh T tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm sống nên thường hay xảy ra xô sát, vợ chồng sống với nhau không có tình cảm và không được hạnh phúc. Sau đó thì anh T đi làm ăn xa

nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở thôn C, xã E, huyện V, tỉnh Nam Định để ở và sinh sống, chị và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 05 năm 2012 cho đến nay. Chính vì nguyên nhân tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm nên khi anh T đã đủ tuổi kết hôn thì chị và anh T cũng không đi đăng ký kết hôn. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã kéo dài và trầm trọng và không có tình cảm với nhau và cũng không thể sống chung với nhau được nữa nên chị và anh T không thể đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Anh X; sinh ngày 30-01-2012; cháu X mang họ của chị vì lý do thời điểm chị sinh cháu X thì chị và anh T không có đăng ký kết hôn nên chị và anh T thống nhất lấy họ của chị để khai sinh cho cháu, chị là người trực tiếp nuôi cháu X từ thời điểm chị và anh T sống ly thân với nhau cho đến nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu X và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu X cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị D xác định chị và anh T không có và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Vũ Huy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2011 cho đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn đúng như chị D trình bày nêu trên. Vì lý do trong thời gian chung sống với nhau hai người có nhiều mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được và không thể chung sống với nhau được nên khi anh đã đủ tuổi kết hôn thì anh và chị D cũng không đi đăng ký kết hôn. Anh T xác định mâu thuẫn giữa anh và chị D đã kéo dài và trầm trọng, hiện tại thì chị D đã chung sống với người đàn ông khác nên anh và chị D không thể đoàn tụ với nhau được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, không công nhận anh và chị D là vợ chồng.

Về con chung: Anh T xác định anh và chị D có 01 con chung đúng như chị D đã trình bày nêu ở trên. Chị D nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh đồng ý.

Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: Anh T xác định anh và chị D không có và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Tòa án thu thập chứng cứ thể hiện: Trước đây Ủy ban nhân dân xã E không biết được về việc chị D và anh T kết hôn với nhau như thế nào, vì chị D và anh T không đến UBND xã để làm thủ tục đăng ký kết hôn lần nào nên UBND xã E không biết. UBND xã E chỉ được biết về hôn nhân giữa chị D và anh T từ khi chị D có đơn đề nghị UBND xã giải quyết về hôn nhân của mình. Khi tiến hành hòa giải giữa hai bên thì mới được vào khoảng tháng 01 năm 2011 chị D và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Chị D và anh T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ thời điểm đó mà không có đăng ký kết hôn, vì lý do thời điểm đó anh T chưa đủ tuổi kết hôn, nhưng đến khi anh T đã đủ tuổi kết hôn thì chị D và anh T cũng không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị D và anh T sống hòa thuận hạnh phúc với nhau chỉ được một thời gian ngắn thì đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để ở và sinh sống. Chị D

và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 5 năm 2012 cho đến nay. UBND xã đã yêu cầu chị D và anh T làm các thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả hai bên đều xác định không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên chị D và anh T không làm các thủ tục đăng ký kết hôn mà đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết về hôn nhân của mình theo quy định của pháp luật. Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Anh X, sinh ngày 30-01-2012. Chị D và anh T không có tài sản chung và cũng không có các vấn đề khác có liên quan.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương D.

- + Về tình cảm: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Phương D và anh Vũ Huy T.

- + Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Anh X; sinh ngày 30-01-2012 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu X thành niên, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

- + Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: Chị D và anh T không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Huy T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương D và anh Vũ Huy T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn, vì lý do thời điểm đó anh T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định, nhưng kể từ khi anh T đã đủ tuổi kết hôn cho đến nay thì chị D và anh T cũng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy hôn nhân của chị D và anh T là không hợp pháp, trái với quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên không được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân: Chị D và anh T chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để ở. Chị D và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau

từ tháng 5 năm 2012 cho đến nay. Nay chị D và anh T đều xác định không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên đã không đi đăng ký kết hôn mà thống nhất chia tay nhau.

Do chị D và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2011 đến nay mà không có đăng ký kết hôn, mặt khác mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Phương D và anh Vũ Huy T là phù hợp với quy định tại các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Anh X; sinh ngày 30-01-2012. Trong quá trình chuẩn bị xét xử tại phiên hòa giải chị D và anh T đã thống nhất thỏa thuận giao cho chị D trực tiếp nuôi cháu X. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu X cùng chị D. Tại phiên tòa chị D giữ nguyên quan điểm về người trực tiếp nuôi cháu X như đã nêu trên. Xét thấy sự thỏa thuận đó của chị D và anh T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với lợi ích của con. Như vậy sự thỏa thuận của chị D và anh T phù hợp với quy định tại các Điều 15, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử sẽ giao cháu X cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu X thành niên có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi chị D và anh T có yêu cầu khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu X cùng chị D.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: Chị D và anh T đều xác định không có và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn nên buộc chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 14 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Phương D và anh Vũ Huy T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Anh X; sinh ngày 30-01-2012 cho chị Nguyễn Thị Phương D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu X thành niên có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi chị D và anh T có yêu cầu khác. (hiện tại cháu X đang trực tiếp ở với chị D)

Anh Vũ Huy T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị Phương D.

Anh Vũ Huy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/09712 ngày 06-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Huy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Văn Quân

